

Số: 84 /CV-CTX-TKTCT

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý III năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

- Tên tổ chức: **Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam**
 - Mã chứng khoán: **CTX**
 - Địa chỉ: Tầng 2, nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại liên hệ/Tel: (024) 6281.2000 Fax: (024) 3782.0176
 - Email:..... Website: <http://www.ctx.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý III năm 2024

- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không



Số: 85 /CV-CTX-TKTCT
V/v: Giải trình chênh lệch LNST quý III
năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty: Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam
 - Mã chứng khoán: CTX
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2 - Tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
 - Điện thoại : (024) 6281.2000 - Fax: (024) 3782.0176 - Email: info@ctx.vn
- Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Anh Hải
- Nội dung thông tin công bố:

3.1 Giải trình LNST trên báo cáo kết quả kinh doanh Công ty Mẹ quý III năm 2024:

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh quý III năm 2024 Công ty Mẹ thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo quý III năm 2023, nguyên nhân chủ yếu là do: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 14,68%, trong khi chi phí giá vốn giảm chỉ bằng 31,69%, dẫn tới lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 2.468,6% so với cùng kỳ báo năm trước.

3.2 Giải trình LNST trên báo cáo kết quả kinh doanh Hợp nhất quý III năm 2024:

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh quý III năm 2024 Hợp nhất thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo quý III năm 2023, nguyên nhân chủ yếu là do: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm chỉ bằng 31,7%, trong khi đó giá vốn giảm chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 33,2% dẫn tới lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm chỉ bằng 11,3% so với cùng kỳ năm trước.

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 29/10/2024 tại đường dẫn: <http://ctx.vn/co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TKTCT.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



TRẦN ANH HẢI

GIẤY ỦY QUYỀN**Căn cứ:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 số 2017/NĐCTX-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2017.
- Quyết định số 20/2020/QĐ-CTX-TCNS ngày 12 tháng 06 năm 2020 về việc bổ nhiệm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán.

1. Người ủy quyền:

- Ông : **Phan Minh Tuấn**
- Thẻ căn cước công dân số: 001073010806 do Cục cảnh sát ĐKQLCT và DLQG về dân cư cấp ngày 15/09/2016.
- Chức vụ : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (CTX Holdings).

2. Người được ủy quyền:

- Bà : **Hoàng Thị Hương Lan**
- Số CMTND : 013505021 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/01/2012
- Chức vụ : Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

3. Nội dung ủy quyền:

- Ông Phan Minh Tuấn, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc ủy quyền cho bà Hoàng Thị Hương Lan, trưởng phòng Tài chính - Kế toán thay mặt cho Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam ký: Bộ báo cáo tài chính văn phòng và hợp nhất năm, bán niên, quý của Tổng Công ty CTX Holdings (báo cáo tự lập và báo cáo kiểm toán) theo qui định của pháp luật.
- Người được ủy quyền nêu trên chỉ được thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của Tổng công ty CTX Holdings và chịu hoàn toàn trước pháp luật và Tổng công ty CTX Holdings về những công việc trong phạm vi được ủy quyền.

4. Thời hạn ủy quyền:

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt khi công việc theo nội dung ủy quyền được hoàn thành hoặc có văn bản khác thay thế văn bản này./.

NGƯỜI ỦY QUYỀN**TỔNG GIÁM ĐỐC
PHAN MINH TUẤN****NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2024

MỤC LỤC	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng Cân đối kế toán	3 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6 - 7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam được chuyển đổi (cổ phần hóa) theo Quyết định số 565/QĐ-BXD ngày 13/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam thành Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam. Tổng Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103017485 lần đầu ngày 25/05/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 04/10/2019 – số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0100109441 .

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký kinh doanh là 789.072.760.000 đồng (Bảy trăm tám mươi chín tỷ không trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại tầng 2 nhà HH2 – Khu đô thị Yên Hòa-Phường Yên Hòa-Quận Cầu Giấy-Thành Phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hưng	Ủy viên
Ông Trần Khanh	Ủy viên
Bà Chu Thị Hồng Hạnh	Ủy viên
Ông Lý Quốc Hùng	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Lý Văn Khả	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Anh Tú	Ủy viên
Ông Nguyễn Toàn Thắng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Phan Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	
Ông Lý Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Tường Hải	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm kể ngày 29 tháng 12 năm 2023
Bà Ngô Thị Thu Lý	Phó Tổng Giám đốc	

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 03 đến trang 29 kèm theo.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty sẽ được phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập BCTC.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty là Ông Phan Minh Tuấn, Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc;

T.Ư.Q TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Hương Lan
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		548.966.487.154	589.604.145.785
I-	Tiền	110	1	75.227.534.858	108.024.489.352
1	Tiền	111		75.227.534.858	50.024.489.352
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	58.000.000.000
II-	Các khoản ĐTTTC ngắn hạn	120	2	113.970.051	45.203.645.251
1	Chứng khoán kinh doanh	121		2.549.370.051	2.549.370.051
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.435.400.000)	(2.345.724.800)
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	45.000.000.000
III-	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		331.909.914.488	289.156.946.716
1	Phải thu khách hàng	131	3	185.611.004.055	186.689.047.711
2	Trả trước cho người bán	132	4	148.883.624.740	134.917.962.792
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
5	Các khoản phải thu khác	136	5	162.511.255.834	132.751.216.153
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(165.095.970.141)	(165.201.279.940)
7	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV-	Hàng tồn kho	140	6	117.728.004.523	118.328.266.322
1	Hàng tồn kho	141		117.728.004.523	118.328.266.322
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V-	Tài sản ngắn hạn khác	150		23.987.063.234	28.890.798.144
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		484.247.755	3.424.616.991
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.915.179.309	23.355.012.055
3	Thuế và các khoản khác phải thu NN	153		2.587.636.170	2.111.169.098
4	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.407.532.930.181	1.376.537.936.463
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		3.450.141	11.450.141
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	216		3.450.141	11.450.141
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		394.898.002.984	413.229.904.311
1	Tài sản cố định hữu hình	221	7	381.851.829.596	399.902.764.606
-	- Nguyên giá	222		531.413.674.798	531.313.261.262
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(149.561.845.202)	(131.410.496.656)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	8	13.046.173.388	13.327.139.705
-	- Nguyên giá	228		17.950.000.000	17.950.000.000
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.903.826.612)	(4.622.860.295)
III.	Bất động sản đầu tư	230	9	40.348.104.941	42.078.047.888
1	Nguyên giá	231		69.146.276.979	69.146.276.979
2	Giá trị hao mòn lũy kế	232		(28.798.172.038)	(27.068.229.091)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		966.092.650.329	915.413.300.408
	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang				
1	dài hạn	241		126.599.835.451	126.066.617.091
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	839.492.814.878	789.346.683.317
V.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.136.538.120	1.639.383.081
1	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	2	12.012.898.701	12.012.898.701
4	Dự phòng giảm giá ĐTTTC dài hạn	254		(10.876.360.581)	(10.373.515.620)
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		5.054.183.666	4.165.850.634
1	Chi phí trả trước	261	10	5.054.183.666	4.165.850.634
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.956.499.417.335	1.966.142.082.248

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
A-	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		938.592.084.223	948.938.522.688
I-	Nợ ngắn hạn	310		768.392.494.404	775.025.105.829
2	Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	190.084.000.764	201.262.281.792
3	Người mua trả tiền trước	312	13	58.702.052.047	53.253.397.621
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	3.669.233.012	10.677.826.263
5	Phải trả người lao động	314		6.190.343.577	6.258.582.724
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	236.865.390.543	232.463.832.355
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.350.605.270	4.202.072.935
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	120.370.869.191	114.822.235.967
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	11	148.160.000.000	148.160.000.000
11	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		-	3.924.876.172
II-	Nợ dài hạn	330		170.199.589.819	173.913.416.859
3	Chi phí phải trả dài hạn	333	15	142.602.123.399	140.556.946.361
6	Doanh thu chưa thực hiện	336	17	14.423.827.880	16.834.956.820
7	Phải trả dài hạn khác	337			3.339.875.138
8	Dự phòng phải trả dài hạn	342		13.173.638.540	13.181.638.540
B-	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		1.017.907.333.112	1.017.203.559.560
I-	Vốn chủ sở hữu	410	18	1.017.907.333.112	1.017.203.559.560
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		789.072.760.000	789.072.760.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
3	Quỹ đầu tư phát triển	418		104.636.382	104.636.382
4	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		219.694.090.116	215.967.015.016
	a - LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		215.967.015.016	180.187.026.682
	b - LNST chưa PP kỳ này	421b		3.727.075.100	35.779.988.334
6	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
7	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9.035.846.614	12.059.148.162
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		1.956.499.417.335	1.966.142.082.248



Đỗ Quốc Việt
 Người lập/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hương Lan
 Trưởng phòng Tài chính kế toán

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý III /2024

ĐVT: VND

T T	CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 3/2024	Quý 3/2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	37.595.715.945	118.555.106.604	106.896.140.034	209.899.347.131
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	37.595.715.945	118.555.106.604	106.896.140.034	209.899.347.131
4	Giá vốn hàng bán	11	21.631.247.369	85.734.523.075	67.621.101.278	152.506.105.369
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20	15.964.468.576	32.820.583.529	39.275.038.756	57.393.241.762
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	48.082.382	182.573.495	1.351.012.317	1.365.078.749
7	Chi phí tài chính	22	626.622.161	-	626.622.161	-
8	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			-	-
9	Lãi, lỗ từ Công ty liên kết	24			-	-
10	Chi phí bán hàng	25	3.319.001.558	6.464.969.030	9.543.179.605	9.179.420.592
11	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	9.268.431.161	6.956.655.167	25.511.280.380	20.216.730.673
12	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30	2.798.496.078	19.581.532.827	4.944.968.927	29.362.169.246
13	Thu nhập khác	31	104.062.990	43.325.162	244.947.784	111.687.343
14	Chi phí khác	32	8.554.896	39.296.409	207.387.108	204.061.199
15	Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	95.508.094	4.028.753	37.560.676	(92.373.856)
16	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50	2.894.004.172	19.585.561.580	4.982.529.603	29.269.795.390
17	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	676.212.140	-	1.278.173.418	-
18	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
19	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60	2.217.792.032	19.585.561.580	3.704.356.185	29.269.795.390
	<i>Trong đó,</i>				-	-
	Lợi ích cổ đông thiểu số	62	(131.548)	(6.372.183)	(22.718.915)	(27.193.178)
	Lợi ích cổ đông của Công ty mẹ	61	2.217.923.580	19.591.933.763	3.727.075.100	29.296.988.568
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28,11	248,00	47,23	371,00

Đỗ Quốc Việt
Người lập/Kế toán trưởng

T.Ư. Q. TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Thị Hương Lan
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý này	
		Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1	Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	4.982.529.603	29.269.795.390
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
2	Khấu hao/khấu trừ tài sản cố định và BĐSĐT	20.162.257.810	17.020.376.423
3	Các khoản dự phòng	487.210.362	-
4	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
5	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.351.012.317)	(1.365.078.749)
6	Chi phí lãi vay	-	-
7	Các khoản điều chỉnh khác	-	-
8	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	24.280.985.458	44.925.093.064
9	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(44.094.313.288)	36.109.245.823
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	600.261.799	11.240.811.151
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(4.245.626.383)	(25.710.887.198)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước	2.052.036.204	(31.793.325.998)
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh	-	-
14	Tiền lãi vay đã trả		
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(7.479.399.036)	(3.695.851.990)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(28.886.055.246)	31.075.084.852
	II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư		
21	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	(50.679.349.921)	30.837.133.946
22	Tiền thu do t/lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	-	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	45.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đvị khác/bán cty con	-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.768.450.673	1.365.078.749
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(3.910.899.248)	32.202.212.695

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý này	
		Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	-	-
	Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	-	-
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
33	Tiền thu từ đi vay	-	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	-	-
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ	-	-
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số	-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	=	=
50	Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ	<u>(32.796.954.494)</u>	<u>63.277.297.547</u>
60	Tiền [và tương đương tiền] đầu kỳ	108.024.489.352	45.062.497.655
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền [và tương đương tiền] cuối kỳ	75.227.534.858	108.339.795.202



Đỗ Quốc Việt
 Người lập/Kế toán trưởng



Đỗ Quốc Việt T. Q. TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Hương Lan
 Trưởng phòng Tài chính kế toán

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Thông tin Tổng công ty:

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (“Tổng Công ty”) là một công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Quyết định số 655/QĐ-BXD được ban hành bởi Bộ Xây dựng ngày 13 tháng 4 năm 2007. Tổng Công ty nay là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100109441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 25 tháng 5 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 được cấp ngày 04 tháng 10 năm 2019.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tổng Công ty là:

- ▶ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn giám sát xây dựng và mua sắm;
- ▶ Đầu tư, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng và nhà ở; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phát triển bất động sản, và xây lắp nên chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty có thể kéo dài từ 12 đến 36 tháng, tùy thuộc vào tính chất, phạm vi của các dự án bất động sản và hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty thực hiện.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại tầng 2, tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng Công ty có các chi nhánh sau:

Tên Chi nhánh	Địa chỉ
1. Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam tại Hải Dương	Số 42, phố Lê Chân, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
2. Trung tâm Kinh doanh Thương mại – Dịch vụ Constrexim TS – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	Số 39, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.2 Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Tổng Công ty có các công ty con như trình bày dưới đây:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính theo đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty		Hoạt động chính
			Ngày 30 tháng 09 năm 2024 (%)	Ngày 01 tháng 07 năm 2023 (%)	
1	Công ty TNHH CTX Số 1	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100	100	Thi công, xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp
2	Công ty TNHH CTX Số 2	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100	100	Đầu tư phát triển dự án Bất động sản
3	Công ty TNHH Apas Hospitality (trước đây là Công ty TNHH CTX Số 3)	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100	100	Cung cấp dịch vụ quản lý và cho thuê bất động sản
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Constrexim	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	81	81	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
5	Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Tầng 1, tòa nhà PentStudio Lô đất B Khu đấu giá D1, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	100	100	Phát triển dự án đang quản lý và kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	95	95	Phát triển dự án bất động sản
7	Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	95	90	Phát triển dự án bất động sản
8	Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	A11 đường Ngô Thị Nhậm, Phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.	100	100	Phát triển dự án thủy điện
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina (“Công ty Indochina”)	K60, Khu Thương mại Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	100	100	Phát triển dự án khách sạn và trung tâm thương mại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Cơ sở tổng hợp báo cáo

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2024 này được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính Quý 3/2024 của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam và báo cáo tài chính của các Công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tổng Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tổng Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính Quý 3/2024 của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa Tổng Công ty và các công ty con và giữa các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 3/2024 và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 3/2024.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam theo các quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002, số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003, số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005, số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp đã ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	40 năm
Tài sản khác	5 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của công ty Mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty Mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo của Công ty Mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền kiểm soát, quyền đưa ra ý kiến, tham gia ý kiến có tính chất quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là khoản đầu tư của Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không dưới dạng là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được theo dõi dựa trên các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập.

Đầu tư khác là các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tổng Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản nợ và chi phí phát sinh liên quan đến việc đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh, đầu tư khác được hạch toán theo quy định hiện hành. Phần thu nhập được hạch toán tại thời điểm có phát sinh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Tổng Công ty bao gồm giá trị lợi thế doanh nghiệp (thương hiệu), chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ nhất quán theo tiêu thức phù hợp.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỉ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỉ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	2.439.450.369	1.743.938.004
Tiền gửi ngân hàng	72.788.084.489	48.280.551.348
Các khoản tương đương tiền	-	58.000.000.000
Tổng cộng	75.227.534.858	108.024.489.352

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh	2.549.370.051	2.549.370.051
Dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(2.435.400.000)	(2.345.724.800)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	45.000.000.000
Tổng cộng	113.970.051	45.203.645.251

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.012.898.701	12.012.898.701
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác	(10.876.360.581)	(10.373.515.620)
Tổng cộng	1.136.538.120	1.639.383.081

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Tầng 2 nhà HH2-KĐT Yên Hòa-Đường Dương Đình Nghệ-Phường Yên Hòa-Quận Cầu Giấy -Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Chứng khoán kinh doanh:

Đơn vị tính: VND

Chứng khoán kinh doanh	30/09/2024			01/01/2024		
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng
Tên chứng khoán						
Công ty cổ phần Constrexim Viet CZ	5.600	862.400.000	(862.400.000)	5.600	862.400.000	(862.400.000)
Các cổ phiếu khác	27.079	1.686.970.051	(1.573.000.000)	27.079	1.686.970.051	(1.483.324.800)
Tổng cộng	32.679	2.549.370.051	(2.435.400.000)	32.679	2.549.370.051	(2.345.724.800)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Tầng 2 nhà HH2-KĐT Yên Hòa-Đường Dương Đình Nghệ-Phường Yên Hòa-Quận Cầu Giấy –Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đầu tư tài chính dài hạn vào đơn vị khác:

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Công ty Cổ phần Constrexim số 1	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và XNK Cảnh Viên	2.765.700.000	2.765.700.000	2.765.700.000	2.765.700.000
Công ty Cổ phần Constrexim Việt Séc	320.000.000	320.000.000	320.000.000	320.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Đầu tư và xây lắp Cao tầng	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim số 8	979.383.081	323.198.481	979.383.081	
Công ty Cổ phần Constrexim số 6	690.000.000	690.000.000	690.000.000	690.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và XNK Phục Hưng	660.000.000	179.646.480	660.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà Constrexim (HOD)	625.000.000	625.000.000	625.000.000	625.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim TM	549.950.000	549.950.000	549.950.000	549.950.000
Công ty Cổ phần Constrexim Meco	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Bình Định	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Miền Trung	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Constrexim (CIC)	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Hải phòng	272.865.620	272.865.620	272.865.620	272.865.620
Tổng cộng	12.012.898.701	10.876.360.581	12.012.898.701	10.373.515.620

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
- Phải thu khách hàng xây lắp liên quan đến HĐ thầu phụ có điều kiện (*)	97.790.062.359	97.524.062.359
- Phải thu từ chuyển nhượng bất động sản	2.501.743.917	10.318.916.145
- Phải thu từ hoạt động xây lắp khác	7.481.416.700	18.951.898.261
- Phải thu liên quan đến các hoạt động khác	77.837.781.079	59.894.170.946
Tổng cộng	185.611.004.055	186.689.047.711

(*) Theo các hợp đồng thầu phụ có điều kiện, Tổng công ty chỉ thanh toán cho các nhà thầu phụ sau khi nhận tiền thanh toán cho công trình từ chủ đầu tư.

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty CP XL và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	5.916.570.420	5.916.570.420
Phải thu các bên liên quan khác	1.171.883.746	1.171.883.746
Tổng cộng	7.088.454.166	7.088.454.166

5.4 Các khoản trả trước cho người bán

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
- Công ty CP đầu tư PT Constrexim số 16	15.129.767.017	15.129.767.017
- Công ty TNHH CTX Số 1	42.541.415.834	42.541.415.834
- Công ty TNHH NKB Archi Vietnam	6.434.900.000	6.434.900.000
- Các khoản trả trước ngắn hạn khác	84.777.541.889	70.811.879.941
Tổng cộng	148.883.624.740	134.917.962.792

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước cho các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	7.544.509.825	7.544.509.825
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	5.184.129.711	5.184.129.711
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	4.693.097.282	4.693.097.282
Công ty Cổ phần Đúc Tân Long - Constrexim	1.173.304.065	1.173.304.065
Công ty CP ĐTXD và lắp máy điện nước CONSTREXIM Toàn Cầu	86.506.389	86.506.389
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	557.758.267	557.758.267
Tổng cộng	19.239.305.539	19.239.305.539

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

5.5 Các khoản phải thu khác

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tạm ứng để thực hiện các hợp đồng xây lắp và dự án ĐT	92.522.661.485	65.834.168.592
Tạm ứng để thực hiện các hoạt động khác	68.988.594.349	29.348.471.583
Phải thu khác	-	36.568.575.978
Phải thu phần trả hộ vốn góp	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	162.511.255.834	132.751.216.153

5.6 Hàng tồn kho:

Hàng tồn kho	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu, CCDC tồn kho	2.962.428.733	2.789.034.425
Công trình Tây Hồ Park View	49.167.817.564	50.024.844.329
Chi phí sản xuất dở dang của các hợp đồng xây lắp	65.597.758.226	65.514.387.568
Tổng cộng	117.728.004.523	118.328.266.322

5.7 Chi phí xây dựng dở dang các dự án đầu tư:

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	126.599.835.451	126.066.617.091
Khu nghỉ dưỡng Champa Legend resort and spa	126.599.835.451	126.066.617.091
- Chi phí dở dang của các dự án đầu tư:	839.492.814.878	789.346.683.317
Dự án Toà nhà hỗn hợp Constrexim Complex (A1)	463.925.264.626	462.436.238.909
Dự án Tòa nhà VP và Thương mại Constrexim Plaza (E2)	84.231.371.016	83.799.901.273
Dự án Thủy điện La Ngâu	55.531.401.934	55.284.127.578
Dự án Sapa resort	180.632.769.854	132.729.423.109
Dự án TTTM Kim Thành	21.063.980.712	20.952.860.876
Dự án Oceanview	32.351.339.714	32.212.504.305
Các dự án khác	1.756.687.022	1.931.627.267
Tổng cộng	966.092.650.329	915.413.300.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá						
Số dư 01/07/2024	473.461.030.839	42.374.867.121	11.809.691.150	3.038.834.092	729.251.596	531.413.674.798
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Mua trong năm</i>						
Giảm trong kỳ						
Số dư 30/09/2024	473.461.030.839	42.374.867.121	11.809.691.150	3.038.834.092	729.251.596	531.413.674.798
Hao mòn lũy kế						
Số dư 01/07/2024	114.447.450.708	14.911.285.100	12.315.211.562	1.112.014.507	729.251.596	143.515.213.473
Tăng trong kỳ	5.165.210.799	717.785.782	66.120.733	97.514.415	-	6.046.631.729
Khấu hao	5.165.210.799	717.785.782	66.120.733	97.514.415	-	6.046.631.729
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư 30/09/2024	119.612.661.507	15.629.070.882	12.381.332.295	1.209.528.922	729.251.596	149.561.845.202
Giá trị còn lại	-	-	-	-	-	-
Tại 01/07/2024	359.013.580.131	27.463.582.021	(505.520.412)	1.926.819.585	-	387.898.461.325
Tại 30/09/2024	353.848.369.332	26.745.796.239	(571.641.145)	1.829.305.170	-	381.851.829.596

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền SD đất và TSVH khác	Phần mềm máy tính	Thương hiệu	Tổng
Nguyên giá				
Số dư 01/07/2024	17.280.000.000	470.000.000	200.000.000	17.950.000.000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư 30/09/2024	17.280.000.000	470.000.000	200.000.000	17.950.000.000
Hao mòn lũy kế				
Số dư 01/07/2024	4.304.671.161	305.500.012	200.000.000	4.810.171.173
Tăng trong kỳ	81.905.439	11.750.000	-	93.655.439
Khấu hao	81.905.439	11.750.000	-	93.655.439
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư 30/09/2024	4.386.576.600	317.250.012	200.000.000	4.903.826.612
Giá trị còn lại				
Số dư 01/07/2024	12.975.328.839	164.499.988	-	13.139.828.827
Số dư 30/09/2024	12.893.423.400	152.749.988	-	13.046.173.388

5.10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa và vật kiến trúc	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/07/2024	67.820.580.552	1.325.696.427	69.146.276.979
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/09/2024	67.820.580.552	1.325.696.427	69.146.276.979
Giá trị hao mòn			
Tại ngày 01/07/2024	26.895.827.962	1.325.696.427	28.221.524.389
Khấu hao tăng trong kỳ	576.647.649	-	576.647.649
Khấu hao giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/09/2024	27.472.475.611	1.325.696.427	28.798.172.038
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/07/2024	40.924.752.590	-	40.924.752.590
Tại ngày 30/09/2024	40.348.104.941	-	40.348.104.941

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

5.11 Chi phí trả trước

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Chi phí bán hàng trả trước liên quan đến các căn hộ chưa bàn giao	248.098.551	2.400.000.000
Thuế TNDN tạm nộp	-	397.282.924
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	224.097.204	627.334.067
Tổng cộng	472.195.755	3.424.616.991
	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ và chi phí khác	5.054.183.666	4.165.850.634
Tổng cộng	5.054.183.666	4.165.850.634

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngắn hạn Ông Trần Minh Sơn	148.160.000.000	148.160.000.000
Tổng cộng	148.160.000.000	148.160.000.000

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
- Phải trả người bán liên quan hoạt động dự án đầu tư	17.083.386.702	25.916.754.229
<i>Công ty CP Đầu tư Việt San</i>	<i>10.737.893.816</i>	<i>10.737.893.816</i>
<i>Phải trả các khách hàng dự án khác</i>	<i>6.343.872.886</i>	<i>15.178.860.413</i>
- Phải trả thầu phụ các hợp đồng xây lắp có điều kiện (*)	125.451.229.117	136.949.139.157
- Phải trả liên quan đến các hợp đồng xây lắp khác	21.458.793.043	14.219.310.058
- Các nhà cung cấp khác	26.090.591.902	24.177.078.348
Tổng cộng	190.084.000.764	201.262.281.792

(*) Theo các hợp đồng thầu phụ có điều kiện tổng công ty chỉ thanh toán cho nhà thầu phụ sau khi nhận được tiền thanh toán cho công trình từ chủ đầu tư

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Trong đó phải trả các bên liên quan:		
Công ty CP đầu tư xây dựng và lắp máy điện nước CONSTREXIM Toàn Cầu	4.261.111.301	4.261.111.301
Công ty CP Constrexim Đông Đô	10.058.328.128	10.032.407.015
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	818.336.344	818.336.344
Công ty CP Đầu tư xây dựng tư vấn thiết kế Constrexim	1.840.140.177	1.840.140.177
Bên liên quan khác	681.245.244	681.245.244
Tổng cộng	17.659.161.194	17.633.240.081

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tạm ứng cho các công trình xây lắp, dự án	23.920.629.890	28.050.511.324
Tạm ứng cho các hoạt động khác	34.781.422.157	25.202.886.297
Tổng cộng	58.702.052.047	53.253.397.621

5.15 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.741.133.676	8.033.757.771
Thuế thu nhập cá nhân, khác	1.065.330.036	792.651.276
Thuế GTGT	68.346.314	1.658.630.043
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	794.422.986	192.787.173
Tổng	3.669.233.012	10.677.826.263

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí phải trả cho các hợp đồng thi công xây lắp	37.510.625.476	38.572.428.418
Chi phí phải trả cho các dự án	154.424.358.263	155.870.299.181
Chi phí phải trả khác	44.930.406.804	38.021.104.756
Tổng	236.865.390.543	232.463.832.355

5.17 Chi phí phải trả dài hạn

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả dự án Yên Hòa	22.497.439.089	21.336.762.051
Dự phòng trợ cấp thôi việc	291.614.310	291.614.310
Phải trả khác	119.813.070.000	118.928.570.000
Tổng	142.602.123.399	140.556.946.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

5.18 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả liên quan đến thanh lý hợp đồng thuê VP	5.231.471.447	5.449.471.447
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	2.155.149.757	2.155.149.757
Tiền đặt cọc của các cá nhân để mua cổ phần trong Công ty CP Thủy điện La Ngâu	1.800.000.000	1.800.000.000
Các khoản phải trả khác	111.184.247.987	105.417.614.763
Tổng cộng	120.370.869.191	114.822.235.967

5.19 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện ngắn và dài hạn bao gồm các khoản tiền thuê ứng trước của khách hàng để thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Các cổ đông	789.072.760.000	789.072.760.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-
Tổng	789.072.760.000	789.072.760.000

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	789,072,760,000	789,072,760,000
Vốn góp tại ngày cuối năm	789,072,760,000	789,072,760,000

c. Cổ phiếu

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	78,907,276	78,907,276
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	78,907,276	78,907,276

d. Các quỹ

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	104,636,382	104,636,382
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-
Tổng	104,636,382	104,636,382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư 01/01/2023	789.072.760.000	-	104.636.382	-	180.187.026.682	12.109.870.075	981.474.293.139
Tăng trong năm	-	-	-	-	35.779.988.334	(50.721.913)	35.729.266.421
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	-	-	-	-	35.779.988.334	(50.721.913)	35.729.266.421
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2023	789.072.760.000	-	104.636.382	-	215.967.015.016	12.059.148.162	1.017.203.559.560
Số dư 01/01/2024	789.072.760.000	-	104.636.382	-	215.967.015.016	12.059.148.162	1.017.203.559.560
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	3.727.075.100	(22.718.915)	3.704.356.185
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	3.727.075.100	(22.718.915)	3.704.356.185
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	3.000.582.633	3.000.582.633
Giảm khác	-	-	-	-	-	3.000.582.633	3.000.582.633
Số dư 30/09/2024	789.072.760.000	-	104.636.382	-	219.694.090.116	9.035.846.614	1.017.907.333.112



5.21 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 3/2024 VND	Quý 3/2023 VND
Doanh thu dịch vụ, khác	37.595.715.945	118.555.106.604
Tổng cộng	37.595.715.945	118.555.106.604

5.22 Giá vốn hàng bán

	Quý 3/2024 VND	Quý 3/2023 VND
Giá vốn xây dựng		66.574.598.947
Giá vốn dịch vụ, khác	21.631.247.369	19.159.924.128
Tổng cộng	21.631.247.369	85.734.523.075

5.23 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 3/2024 VND	Quý 3/2023 VND
Lãi tiền gửi	48.082.382	182.573.495
Tổng cộng	48.082.382	182.573.495

5.24 Chi phí tài chính

	Quý 3/2024 VND	Quý 3/2023 VND
Chênh lệch tỷ giá	34.102.000	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	592.520.161	-
Tổng cộng	626.622.161	-

5.25 Chi phí bán hàng và CP QLDN

	Quý 3/2024 VND	Quý 3/2023 VND
Chi phí bán hàng	3.319.001.558	6.464.969.030
Chi phí quản lý	9.268.431.161	6.956.655.167
Tổng cộng	12.587.432.719	13.421.624.197

5.26 Thu nhập khác

	Quý 3/2024 VND	Quý 3/2023 VND
Thu nhập khác	104.062.990	43.325.162
Tổng cộng	104.062.990	43.325.162

5.27 Chi phí khác

	Quý 3/2024 VND	Quý 3/2023 VND
Chi phí khác	8.554.896	39.296.409
Tổng cộng	8.554.896	39.296.409

5.28 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý 3/2024 VND	Quý 3/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.894.004.172	19.585.561.580
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	676.212.140	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.217.792.032	19.585.561.580

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc Tổng Công ty nhận định, trên khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phát hành báo cáo cần thuyết minh hoặc điều chỉnh trên Báo cáo tài chính này.

6.2 Số liệu so sánh

Là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã kiểm toán và số liệu báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2023.


Đỗ Quốc Việt
Người lập/Kế toán trưởng


Hoàng Thị Hương Lan
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2024